

Bản án số: 41/2024/DS-ST
Ngày 16/9/2024
V/v “*Tranh chấp kiện đòi tài sản*”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NGẠN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Đặng Công Định

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Vũ Ngọc Côn .

Bà Vũ Thị Mai

Thư ký ghi biên bản phiên toà: Ông Vũ Hữu Thơ - Thư ký Toà án nhân dân huyện Lục Ngạn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thanh Mai – Kiểm sát viên.

Ngày 16/9/2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 94/2024/TLST-DS ngày 16/8/2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 69/2024/QĐST-DS ngày 27/8/2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn Q, sinh năm 1978 (có mặt)

Địa chỉ: Thôn L, xã G, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

Bị đơn: Chị Lê Thị H, sinh năm 1992 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn L, xã G, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và bản tự khai nguyên đơn anh Nguyễn Văn Q trình bày:

Anh và chị Lê Thị H trước đây có mối quan hệ vợ chồng, tuy nhiên trong cuộc sống có nhiều mâu thuẫn nên đã được Toà án nhân dân huyện Lục Ngạn giải quyết ly hôn cho Toà án theo quyết định công nhận công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự số 309/2022/QĐST-HNGĐ ngày

30/9/2022. Hai bên đã thoả thuận thống nhất chị H có nghĩa vụ trả số tiền 250.000.000 đồng và ½ khoản lãi đối với Ngân hàng thương mại cổ phần Đ (B) chi nhánh huyện L vào ngày 25/10/2022. Đối với phần nghĩa vụ của mình anh đã thực hiện đúng như cam kết với ngân hàng B chi nhánh huyện L. Còn chị H không thực hiện đúng theo như hai bên đã thoả thuận, do sợ bị phát mại tài sản đảm bảo để thi hành án nên ngày 23/11/2023 anh đã đứng ra trả cho Ngân hàng B chi nhánh huyện L toàn bộ số nợ gốc và lãi mà chị H phải trả cho Ngân hàng. Để có tiền trả khoản nợ của ngân hàng B chi nhánh huyện L anh đã vay số tiền 300.000.000 đồng của anh Nguyễn Văn C, sinh năm 1985 là em trai anh ngày 23/11/2023 với mức lãi suất là 01%/tháng, hiện anh vẫn chưa thanh toán trả cho anh C số nợ này. Nay anh yêu cầu chị H phải trả anh số tiền là 288.373.529 đồng tiền anh đã thanh toán trả ngân hàng và số tiền lãi suất 01%/tháng tính từ ngày 23/11/2023 đến khi khi xét xử.

Tại biên bản lấy lời khai bị đơn chị Lê Thị H trình bày: Chị xác nhận về mối quan hệ giữa chị và anh Q như anh Q trình bày là đúng. Tại quyết định công nhận công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự số 309/2022/QĐST-HNGĐ ngày 30/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang chị có nghĩa vụ thanh toán số tiền 250.000.000 đồng và ½ khoản lãi đối với Ngân hàng B là đúng. Tuy nhiên do chị không có khả năng thanh toán nên anh Q đã thanh toán trả cả số tiền trên chị xác nhận là đúng. Nay anh Q đề nghị chị phải trả anh tổng số tiền là 288.373.529 đồng gồm 250.000.000 đồng tiền gốc và 38.373.000 đồng tiền lãi theo như hợp đồng tín dụng chị hoàn toàn đồng ý. Hiện tại chị đang nuôi con nhỏ, kinh tế khó khăn nên khi nào chị có tiền chị sẽ trả anh Q. Còn đối với việc anh Q đề nghị chị trả lãi ngoài hợp đồng chị không đồng ý.

Tại phiên toà anh Nguyễn Văn Q vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện buộc chị Lê Thị H1 phải trả anh số tiền 288.373.529 đồng và số tiền lãi suất 1%/tháng tính từ ngày 23/11/2023 đến khi chị H trả anh hết số tiền trên.

Bị đơn chị Lê Thị H vắng mặt tại phiên toà có đơn xin vắng mặt, Tòa án đã công bố lời khai của chị H và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án.

Tại phiên toà Đại diện Viện kiểm sát phát biểu việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký Tòa án, Hội đồng xét xử và các đương sự: Thẩm phán, thư ký Tòa án đã thực hiện đúng trình tự tố tụng, xác định đúng thẩm quyền, quan hệ pháp luật, thu thập chứng cứ, tài liệu theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử thực hiện đúng nguyên tắc, trình tự tố tụng dân sự; Nguyên đơn chấp hành nghiêm chỉnh về quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; Bị đơn chấp hành nghiêm chỉnh về quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án, Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử:

Điều 37, Điều 38 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ Điều 117; Điều 119; Điều 357; Điều 166; Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 26, Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, điểm g, điểm h khoản 1 Điều 40; Điều 147; Điều 180; Điều 227; Điều 228; Điều 271; Điều 273; Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn Q: Buộc chị Lê Thị H phải thanh toán trả cho anh Nguyễn Văn Q tổng số tiền là 311.966.456 đồng, trong đó số tiền chị H phải thực hiện theo thoả thuận là 288.373.529 đồng và 23.622.927 đồng tiền lãi.

Ngoài ra đại diện Viện kiểm sát còn đề xuất giải quyết án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp, thẩm quyền giải quyết vụ án: Anh Nguyễn Văn Q khởi kiện buộc chị Lê Thị H thực hiện nghĩa vụ trả như hai bên đã thoả thuận và phải trả anh số tiền là 288.373.529 đồng cùng lãi phát sinh. Bị đơn chị Lê Thị H3 hộ khẩu thường trú tại thôn L, xã G, huyện L, tỉnh Bắc Giang, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Căn cứ quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự xác định quan hệ pháp luật tranh chấp là “Tranh chấp kiện đòi tài sản”. Về thẩm quyền giải quyết: Vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang theo quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về sự vắng mặt của đương sự:

Bị đơn chị Lê Thị H vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị Lê Thị H theo thủ tục chung.

[2] Xét yêu cầu kiện đòi tài sản của anh Nguyễn Văn Q thì thấy: Anh Nguyễn Văn Q và chị Lê Thị H có thoả thuận với nhau về phân chia công nợ chung trong thời kỳ hôn nhân tại Quyết định công nhận công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự số 309/2022/QĐST-HNGĐ ngày 30/9/2022 của Toà án nhân dân huyện Lục Ngạn, cụ thể anh Q, chị H cùng thoả thuận thống nhất anh Q, chị H mỗi người có trách nhiệm trả số tiền 250.000.000 đồng nợ gốc và mỗi người $\frac{1}{2}$ khoản lãi tính cho với Ngân hàng B chi nhánh huyện L, tỉnh Bắc Giang. Quá trình giải quyết vụ án, anh Q chị H đều xác nhận việc việc thoả thuận này, không thắc mắc về ý kiến gì. Tuy nhiên, quá trình thực hiện nghĩa vụ, chị H không thanh toán cho Ngân hàng số nợ trên, anh Q là người trực tiếp thực nghĩa vụ đối với ngân hàng B chi nhánh L vào ngày 23/11/2023 thay cho chị H, với số tiền nợ gốc là 250.000.000 đồng và tiền lãi là 38.373.529 đồng. Do đó chị H là người vi phạm nghĩa vụ hai bên thoả thuận, quá trình giải

quyết vụ án chị H cũng đồng ý trả cho anh Q số tiền anh Q đã thanh toán cho ngân hàng B chi nhánh huyện L, anh Q không đồng ý. Do đó, việc anh Q yêu cầu Toà án buộc chị H phải thanh toán cho anh Q số tiền 288.373.529 đồng là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại Điều 166, Điều 351, Điều 352 Bộ luật dân sự 2015.

Đối với yêu cầu tính lãi của khoản tiền chị H phải thanh toán cho anh Q, Hội đồng xét xử xét thấy, chị H là người vi phạm nghĩa vụ nên chị H cần phải chịu lãi đối với khoản tiền mà từ khi Q đã thanh toán nghĩa vụ thay chị (ngày 23/11/2023), đối với lãi anh Q yêu cầu là 01%/tháng, tại phiên tòa anh Q chứng minh được việc anh bị thiệt hại khi phải đi vay tiền trả thay cho chị H với mức lãi suất là 01%/tháng nên có căn cứ chấp nhận. Cụ thể như sau: $288.373.529 \text{ đồng} \times 12\%/\text{năm} \times 298 \text{ ngày} = 28.252.700 \text{ đồng}$.

Vì vậy cần buộc chị Lê Thị H phải trả anh Nguyễn Văn Q tổng số tiền là 316.626.244 đồng, trong đó số tiền chị H phải thực hiện theo thoả thuận là 288.373.529 đồng và 28.252.700 đồng tiền lãi.

[4] Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận, nên buộc chị Lê Thị H chịu số tiền án phí là 15.831.300 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả lại anh Nguyễn Văn Q số tiền 7.500.000 đồng anh đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Lục Ngạn theo biên lai thu số 0006322 ngày 14 tháng 8 năm 2024.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 37; Điều 38 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ Điều 117; Điều 119; Điều 357; Điều 166; Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 38 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ Điều 26, Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, điểm g, điểm h khoản 1 Điều 40; Điều 147; Điều 180; Điều 227; Điều 228; Điều 271; Điều 273; Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Văn Q: Buộc chị Lê Thị H có trách nhiệm thanh toán cho anh Nguyễn Văn Q tổng số tiền là 316.626.244 đồng, trong đó số tiền chị H phải thực hiện theo thoả thuận là 288.373.529 đồng và 28.252.700 đồng tiền lãi suất phát sinh do chậm nghĩa vụ trả tiền.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong,

tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 và khoản 2 Điều 468 BLDS.

2. Về án phí: Buộc chị Lê Thị H chịu số tiền án phí là 15.831.300 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả lại anh Nguyễn Văn Q số tiền 7.500.000 đồng anh đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Lục Ngạn theo biên lai thu số 0006322 ngày 14 tháng 8 năm 2024.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a, 7b và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Lục Ngạn;
- Chi cục THADS huyện Lục Ngạn.
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Đặng Công Định